

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
ACB SECURITIES COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

Số: *57.1*/CV-ACBS.25

TP. HCM, ngày *28* tháng *03* năm 2025

No: *57.1*/ CV-ACBS.25

HCMC, day *28* month *03*. year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*.

Tên tổ chức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Name of organization: *ACB SECURITIES COMPANY*

- Mã chứng khoán/ *Stock code*:
- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC

- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751
Telephone: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751

- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Nguyệt
Persons making information disclosure: Nguyen Thi Nguyet
Chức vụ : Giám đốc Tư vấn Pháp chế
Title: Legal Consulting Director

Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

- Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố các báo cáo đã được kiểm toán như sau:
ACB Securities Company (ACBS) has disclosed its audited statements as follows:
 - Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.

Audited Separate Financial Statement 2024 and Audited Consolidated Financial Statement 2024.

- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN thay đổi trên 10% tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024 so với năm 2023.

Explanation for fluctuations in profit after tax due to corporate income changes exceeding 10% in the Separate Income Statement and Consolidated Income Statement for 2024 compared to 2023;

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Audited Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/3/2025 tại đường dẫn: <http://acbs.com.vn>.

This information was published on the company's website on 28/3/2025 as in the link <http://acbs.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information



Nguyễn Thị Nguyệt



ACB Securities Company Limited

Financial Safety Ratio Report
as of 31 December 2024

ACB Securities Company Limited Corporate Information

Bussiness/Enterprise Registration Certificate No.

0302030508

29 June 2000

The Bussiness Registration Certificate has been amended several times, the most recent of which is the Enterprise Registration Certificate No. 0302030508 dated 11 February 2025. The Bussiness Registration Certificate and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

Establishment and Operation Licence No.

06/GPHDKD	29 June 2000
56/2001/UBCK-QLKD	21 September 2001
71/UBCK-GPDCCTCK	6 September 2007
77/UBCK-GPDCCTCK	1 October 2007
105/UBCK-GPDCCTCK	14 January 2008
464/QD-UBCK	7 July 2008
150/UBCK-GP	4 September 2008
271/UBCK-GP	4 November 2009
115/GPDC-UBCK	3 October 2012
13/GPDC-UBCK	13 June 2014
18/GPDC-UBCK	11 August 2014
26/GPDC-UBCK	11 July 2017
45/GPDC-UBCK	21 June 2021
63/GPDC-UBCK	3 August 2022
101/GPDC-UBCK	24 October 2022
91/GPDC-UBCK	13 November 2023
96/GPDC-UBCK	28 November 2023
05/GPDC-UBCK	26 January 2024
03/GPDC-UBCK	22 January 2025

The Establishment and Operation Licence and its amendments were issued by the State Securities Commission of Vietnam.

Members' Council

Mr. Do Minh Toan	Chairman
Mr. Nguyen Duc Thai Han	Vice Chairman
Mr. Huynh Duy Sang	Member
Mr. Trinh Bao Quoc	Member

Board of Directors

Mr. Nguyen Duc Hoan	General Director
Mr. Le Hoang Tan	Deputy General Director

Legal Representative

Mr. Do Minh Toan	Chairman
------------------	----------

ACB Securities Company Limited
Corporation Information (continued)

Registered office

Head Office

3rd Floor Léman Luxury Building
117 Nguyen Dinh Chieu Street
Vo Thi Sau Ward, District 3
Ho Chi Minh City
Vietnam

Cho Lon Branch

321 - 323 Tran Phu Street
Ward 8, District 5
Ho Chi Minh City
Vietnam

Truong Dinh Branch

107N Truong Dinh Street
Vo Thi Sau Ward, District 3
Ho Chi Minh City
Vietnam

**Nguyen Thi Minh Khai
Transaction Office**

442 Nguyen Thi Minh Khai Street
Ward 5, District 3
Ho Chi Minh City
Vietnam

Dong Sai Gon Branch

3rd Floor, Building No. 53-55 Nguyen Huu Canh
Ward 22, Binh Thanh District
Ho Chi Minh City
Vietnam

Cach Mang Thang Tam Branch 197A-197B-197C-197/1 Cach Mang Thang Tam Street
Ward 4, District 3
Ho Chi Minh City
Vietnam

Mac Dinh Chi Branch

2nd Floor, 3rd Floor, 41 Mac Dinh Chi Street
Da Kao Ward, District 1
Ho Chi Minh City
Vietnam

Ha Noi Branch

10 Phan Chu Trinh Street
Phan Chu Trinh Ward, Hoan Kiem District
Hanoi City
Vietnam

ACB Securities Company Limited
Corporation Information (continued)

Hai Phong Branch	15 Hoang Dieu Street Minh Khai Ward, Hong Bang District Hai Phong City Vietnam
Da Nang Branch	218 Bach Dang Tower Phuoc Ninh Ward, Hai Chau District Da Nang City Vietnam
Khanh Hoa Branch	80 Quang Trung Street Loc Tho Ward, Nha Trang City Khanh Hoa Province Vietnam
Vung Tau Branch	111 Hoang Hoa Tham Street Ward 2, Vung Tau City Ba Ria - Vung Tau Province Vietnam
Can Tho Branch	17 - 19 Nam Ky Khoi Nghia Street Tan An Ward, Ninh Kieu District Can Tho City Vietnam
Auditor	KPMG Limited Vietnam

ACB Securities Company Limited
Re: Financial Safety Ratio Report

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

To: The State Securities Commission of Vietnam

FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT

As of 31 December 2024

We undertake as follows:

- (1) This report has been prepared on data at the reporting date and in accordance with the requirements of Circular No. 91/2020/TT-BTC dated 13 November 2020 issued by the Ministry of Finance regulating financial safety ratios and measures for non-compliance applicable to securities trading organisations;
- (2) The issues having impact on the Company's financial position that may arise after the reporting date will be updated in the next reporting period;
- (3) We fully accept legal responsibilities for the accuracy and fairness of the contents of this report.

24 March 2025



Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Ms. Do Thi Ngoc Hanh
Head of Internal Control Department



Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT ON FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT

To the Members' Council ACB Securities Company Limited

We have audited the Financial Safety Ratio Report of ACB Securities Company Limited ("the Company") as of 31 December 2024 including financial safety ratio report and the explanatory notes thereto ("Financial Safety Ratio report"), which was authorised for issue by the Company's Board of Directors on 24 March 2025, as set out on pages 7 to 33.

Board of Directors' Responsibility

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation and presentation of the Financial Safety Ratio Report in accordance with the requirements of Circular No. 91/2020/TT-BTC dated 13 November 2020 issued by the Ministry of Finance regulating financial safety ratios and measures for non-compliance applicable to securities business organisations, and for such internal control as the Board of Directors determines is necessary to enable the preparation of the Financial Safety Ratio Report that is free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on the Financial Safety Ratio Report based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Financial Safety Ratio Report is free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Financial Safety Ratio Report. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the Financial Safety Ratio Report, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the Financial Safety Ratio Report in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the Financial Safety Ratio Report.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



Auditor's Opinion

In our opinion, the Financial Safety Ratio Report of ACB Securities Company Limited as of 31 December 2024 has been prepared, in all material respects, in accordance with the requirements of Circular No. 91/2020/TT-BTC dated 13 November 2020 issued by the Ministry of Finance regulating the financial safety ratios and measures for non-compliance applicable to securities business organisations.

Basis of Preparation and Restriction on Use

We draw attention to Note 2 to the Financial Safety Ratio Report, which describes the basis of preparation. The Financial Safety Ratio Report has been prepared to enable the Company to comply with the requirements of Circular No. 91/2020/TT-BTC dated 13 November 2020 ("Circular 91") issued by the Ministry of Finance regulating the financial safety ratios and measures for non-compliance applicable to securities business organisations. As a result, the Financial Safety Ratio Report may not be suitable for another purpose. Our audit report is intended solely for the Company's submission to the State Securities Commission of Vietnam and disclosure of information as required by Circular 91 and should not be used for any other purposes.

KPMG Limited's Branch in Ho Chi Minh City

Vietnam

Audit Report No.: 24-01-00568-25-3



Nelson Rodriguez Casihan
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 2225-2023-007-1
Deputy General Director

Ho Chi Minh City, 24 March 2025

Pham Huy Cuong
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 2675-2024-007-1

ACB Securities Company Limited
Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024

No.	Items	Note	Risk value/Liquid capital at of 31/12/2024
1	Total market risk value (VND)	4	295,023,135,255 ✓
2	Total settlement risk value (VND)	5	1,023,527,208,781 ✓
3	Total operational risk value (VND)	6	240,000,000,000 ✓
4	Total risk values (4=1+2+3) (VND)		1,558,550,344,036 ✓
5	Liquid capital (VND)	7	8,800,225,194,528 ✓
6	Liquid capital ratio (6=5/4) (%)		564.64% ✓

24 March 2025



Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Ms. Do Thi Ngoc Hanh
Head of Internal Control Department



Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director

The accompanying notes are an integral part of the Financial Safety Ratio Report

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Safety Ratio Report.

1. Reporting entity

ACB Securities Company Limited (“the Company”) is a limited liability company established in Vietnam under Establishment and Operation Licence No. 06/GPHDKD dated 29 June 2000 issued by the State Securities Commission of Vietnam. Establishment and Operation Licence was revised many times, and the latest update was Establishment and Operation Licence No. 03/GPDC-UBCK dated 22 January 2025 issued by the State Securities Commission of Vietnam.

The principal activities of the Company are to carry out securities brokerage, securities trading, securities investment consulting, corporate financial consulting, securities underwriting, margin loans and securities depository activities.

As at 31 December 2024, the Company had 373 employees (1/1/2024: 366 employees).

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

The Financial Safety Ratio Report has been prepared to enable the Company to comply with the requirements of Circular No. 91/2020/TT-BTC dated 13 November 2020 (“Circular 91”) issued by the Ministry of Finance regulating financial safety ratios and measures for non-compliance applicable to securities business organisations. Accordingly, the Financial Safety Ratio Report and its utilisation are not designed for those who are not known about the principles and requirements of Circular 91 on preparation and presentation of Financial Safety Ratio Report applicable to securities business organisations in Vietnam. As a result, the Financial Safety Ratio Report may not be suitable for another purposes.

(b) Underlying financial data

The Financial Safety Ratio Report was prepared based on the Company’s financial data as of 31 December 2024 and for the year then ended. This Financial Safety Ratio Report should be read in conjunction with the Company’s separate financial statements for the year ended 31 December 2024.

(c) Accounting and presentation currency

The Company’s accounting currency is Vietnam Dong (“VND”), which is also the currency used for Financial Safety Ratio Report presentation purpose.

3. Summary of significant policies adopted in the preparation of the Financial Safety Ratio Report

The following significant policies have been adopted by the Company in the preparation of this Financial Safety Ratio Report.

(a) Liquid capital ratio

The Company's liquid capital ratio is calculated in accordance with the requirements of Circular 91 as follows:

$$\text{Liquid capital ratio} = \frac{\text{Liquid capital}}{\text{Total risk value}} * 100\%$$

in which, total risk value is the aggregate of market risk value (Note 3(c)), settlement risk value (Note 3(d)) and operational risk value (Note 3(e)).

(b) Liquid capital

Liquid capital is the capital which can be converted into cash within 90 days, in which allowances and provisions provided in accordance with the prevailing regulations at the reporting date, are added back to the retained profits/(accumulated losses).

Liquid capital is determined in accordance with the requirements of Circular 91 as described in Note 7.

Additions to the Company's liquid capital include the following items:

- 50% value of upward revaluations of fixed assets in accordance with the prevailing regulations;
- All increases in the values of investments, financial assets stated at book value, excluding the securities issued by a related organisation of the Company and the securities with the remaining restricted trading period exceeding 90 days at the reporting date;
- Convertible bonds and preference shares issued by the Company with the original terms to maturity of at least five (5) years and registered with the State Securities Commission of Vietnam to supplement the liquid capital; and
- Other debt instruments issued by the Company with the original terms to maturity of more than ten (10) years and registered with the State Securities Commission of Vietnam to supplement the liquid capital.

Total value of convertible debts to equity used to supplement the liquid capital is capped at 50% of the Company's equity. For convertible debts to equity and registered with the State Securities Commission of Vietnam to supplement the liquid capital, the Company deducts 20% of original value each year during the last five (5) years before maturity/conversion into ordinary shares and deducts 25% of the remaining value for each quarter in the last four (4) quarters before maturity/conversion into ordinary shares.

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

Deductions from the Company's liquid capital include the following items:

- Margin deposit value;
- Redeemable preference shares and treasury shares (if any);
- Total value of the downward revaluations of fixed assets in accordance with the prevailing regulations;
- All decreases in the values of investments, financial assets stated at book value, excluding the securities issued by a related organisation of the Company and the securities with the remaining restricted trading period exceeding 90 days at the reporting date;
- Long-term assets and current assets with remaining term to maturity of more than 90 days; and
- Items subject to qualifications in the audited financial statements (if any).

When determining the deductions from liquid capital, the Company deducts from the liquid capital an amount equal to the minimum value of (the market value of the assets, the book value and the residual value of the obligations) (for the assets used as collaterals for the obligations of the Company and third parties) and the minimum value of (the market value of the collaterals and the book value) (for the assets secured by customers' assets) and the minimum value of (the value of bank's guarantee and market value of collaterals) (for assets used as collaterals for bank guarantees when issue covered warrants).

(c) Market risk value

Market risk value is the value corresponding to the level of loss which may occur if the market value of assets and assets expected to be owned by an organisation according to underwriting commitment changes unfavourably. Market risk value is determined in accordance with the requirements of Circular 91 as follows:

(i) Asset risk value:

$$\text{Market risk value} = \text{Net position} * \text{Asset value} * \text{Market risk coefficient}$$

In which, net position of any securities at a point of time is the quantity of securities currently held by the Company, after deducting the number of securities lent out, the number of securities is hedged by put warrants or futures contract and adding the number of securities borrowed in accordance with the prevailing regulations.

The market risk value is not determined for following securities and assets:

- Treasury shares;
- Securities issued by a related organisation of the Company;
- Securities with the remaining restricted trading period exceeding 90 days at the reporting date;
- Matured bonds, debt instruments and money market valuable papers; and
- Securities being hedged by put warrants or futures contracts; put warrants and put option contracts are used to hedge the underlying securities.

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

➤ **Asset value**

Asset value is determined in accordance with principles for determining market value in Circular 91 as follows:

No.	Type of asset	Principles for determining market value
Cash and cash equivalents, money market instruments		
1	Cash in VND	Account balance at the reporting date
2	Foreign currencies	Value converted into VND at the exchange rate of credit institutions authorised for trading foreign currencies at the reporting date
3	Term deposits	Deposit amount plus accrued interest at the reporting date
4	Treasury bills, bankdrafts, commercial papers, transferable certificates of deposits, bonds and other discounted money market instruments	Purchase price plus accrued interest at the reporting date
Bonds		
5	Listed bonds	<p>➤ Average quoted price from the Stock Exchange at the latest trading date plus accrued interest (if the quoted price is the clean price)</p> <p>➤ If there was no trading in the two weeks until the reporting date, then market value is the highest value of the followings:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Purchase price plus accrued interest; + Par value plus accrued interest; and + Value determined in accordance with the Company's internal methodology, including accrued interest. <p><i>In other words:</i></p> <p>Max (Purchase price plus accrued interest; Par value plus accrued interest; Value determined in accordance with the Company's internal methodology, including accrued interest)</p>
6	Unlisted bonds	<p>The highest value of the followings:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quoted price (if any) from the quoting system selected by the Company plus accrued interest; + Purchase price plus accrued interest; + Par value plus accrued interest; and + Value determined in accordance with the Company's internal methodology, including accrued interest. <p><i>In other words:</i></p> <p>Max (Quoted price (if any) plus accrued interest; Purchase price plus accrued interest; Par value plus accrued interest; Value determined in accordance with the Company's internal methodology, including accrued interest)</p>

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

No.	Type of asset	Principles for determining market value
Shares		
7	Shares listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Closing price at the latest trading date until the reporting date ➤ If there was no trading in the two (02) weeks prior to the reporting date, then the market value is the highest value of the followings: <ul style="list-style-type: none"> + Book value; + Purchase price; and + Value determined in accordance with the Company's internal methodology. <i>In other words:</i> Max (Book value; Purchase price; Value determined in accordance with the Company's internal methodology)
8	Shares listed on the Hanoi Stock Exchange	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Closing price at the latest trading date until the reporting date ➤ If there was no trading in the two weeks prior to the reporting date, then the market value is the highest value of the followings: <ul style="list-style-type: none"> + Book value; + Purchase price; and + Value determined in accordance with the Company's internal methodology <i>In other words:</i> Max (Book value; Purchase price; Value determined in accordance with the Company's internal methodology)
9	Shares of public companies registered for UPCOM trading	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Closing price at the latest trading date until the reporting date ➤ If there was no trading in the two weeks until the reporting date, then the market value is the highest value of the followings: <ul style="list-style-type: none"> + Book value; + Purchase price; and + Value determined in accordance with the Company's internal methodology. <i>In other words:</i> Max (Book value; Purchase price; Value determined in accordance with the Company's internal methodology)



ACB Securities Company Limited

Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

No.	Type of asset	Principles for determining market value
10	Shares already custodied but not yet listed and not yet registered for trading	<p>➤ Average price from the quoted prices from at least three (3) securities companies which are not related party of the Company at the latest trading date until the reporting date.</p> <p>➤ If there were not sufficient quoted prices from three (3) securities companies, then the market value is the highest value of the followings:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quoted prices from securities companies; + Price of the latest period; + Book value; + Purchase price; and + Value determined in accordance with the Company's internal methodology. <p><i>In other words:</i> Max (Quoted prices from securities companies; Price of the latest period; Book value; Purchase price; Value determined in accordance with the Company's internal methodology)</p>
11	Shares for which trading has been suspended or delisted shares or shares with trading cancellation	<p>The highest of the followings:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Book value; + Par value; and + Value determined in accordance with the Company's internal methodology. <p><i>In other words:</i> Max (Book value; Par value; Value determined in accordance with the Company's internal methodology)</p>
12	Shares of organisations which are currently being dissolved or bankrupt	<p>80% of the liquidation value of such shares at the latest balance sheet date, or value determined in accordance with the Company's internal methodology</p>
13	Other shares and capital contribution	<p>The highest of the followings:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Book value; + Purchase price/capital contribution amount; and + Value determined in accordance with the Company's internal methodology. <p><i>In other words:</i> Max (Book value; Purchase price/capital contribution amount; Value determined in accordance with the Company's internal methodology)</p>

ACB Securities Company Limited

Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

No.	Type of asset	Principles for determining market value
Funds/shares of securities investment companies		
14	Closed-end public funds/ETF Fund	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Closing price at the latest trading date until the reporting date ➤ If there was no trading in the two (2) weeks until the reporting date, then the latest NAV/fund unit prior to the reporting date is used.
15	Member funds/open-ended funds/shares issued in private placement of securities investment companies	Latest Net asset value per one capital contribution unit/fund certificate/share prior to the reporting date
16	Other cases	Value determined in accordance with the Company's internal valuation methodology
Fixed assets		
17	Land use rights etc	Value determined by an independent valuation organisation selected by the Company
18	Buildings and structures, including construction in progress	Value determined by an independent valuation organisation selected by the Company/ Accumulated costs of construction in progress
19	Machineries, equipments and motor vehicles etc	Net book value of the asset
20	Other fixed assets	Value determined by an independent valuation organisation selected by the Company
Other securities		
21	Covered warrants issued by another securities business organisations	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Closing price at the latest trading date until the reporting date ➤ Purchase price (for unlisted covered warrants)
22	Shares listed on overseas markets	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Price (in foreign currency) * exchange rate at the reporting date ➤ Closing price at the latest trading date until the reporting date; ➤ If there was no trading in the two (02) weeks until the reporting date, then the market value is the highest value of the followings: <ul style="list-style-type: none"> + Book value; + Purchase price; + Value determined in accordance with the Company's internal methodology. <i>In other words:</i> Max (Book value; Purchase price; Value determined in accordance with the Company's internal methodology)

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

➤ **Market risk coefficient**

Market risk coefficient is determined for each type of asset in accordance with the requirements of Circular 91 as disclosed in Note 4.

➤ **Increase in market risk value**

The market risk values of assets will be increased if the Company significantly invests in such assets, except for secured underwriting securities, government bonds and bonds guaranteed by the government. Market risk value is increased in accordance with the following principles:

- Increase by 10% if the value of investments in shares and bonds of an organisation accounts for from more than 10% to 15% of the Company's equity;
- Increase by 20% if the value of investments in shares and bonds of an organisation accounts for from more than 15% to 25% of the Company's equity;
- Increase by 30% if the value of investments in shares and bonds of an organisation accounts for more than 25% of the Company's equity.

Dividends, coupons, value of privileged rights of securities (if any) or interest receivables from cash and cash equivalents, transferrable instruments and valuable papers are added to the asset values when determining the market risk value.

(ii) **Market risk value of covered warrants in circulation issued by the Company in case of gain:**

$$\text{Exposures to market risk} = \text{Max}\{[(P_0 * Q_0/k - P_1 * Q_1) * r - \text{MD}], 0\}$$

In which:

P_0 : average closing price of underlying securities in five trading days before the reporting date;

Q_0 : quantity of outstanding covered warrants issued by the Company;

k : conversion ratio;

P_1 : price of underlying securities in accordance with Circular 91 as described in Note 3(c)(i);

Q_1 : quantity of underlying securities used to hedge for the covered warrants issued by the Company;

r : market risk coefficient of covered warrants in accordance with Circular 91 as described in Note 3(c)(i); and

MD : margin deposit value when the Company issued the covered warrants.

ACB Securities Company Limited

Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

The underlying securities in the above formula shall satisfy the following conditions: being included in the issuance plan or registered with the State Securities Commission of Vietnam on the use of these securities to hedge against the risks of covered warrants; and being the underlying securities of the covered warrants.

In case of loss from covered warrants issued by the Company, the Company shall calculate exposures to market risk of underlying securities from the hedging activities instead of calculate exposures to market risk of the issued covered warrants.

The Company shall calculate the exposure to market risk of positive differences from the value underlying securities of the covered warrants issued by the Company and the required value underlying securities of the covered warrants. The amount required to hedge covered warrants must be correspondence to hedging amount.

(iii) Market risk value of futures contract:

$$\begin{aligned} \text{Exposures to market risk} &= \text{Max} \{ [(\text{Value of closing settlement} - \text{Value of purchased securities}) * \text{Market risk coefficient of futures contract} - \text{Margin deposit value}], 0 \} \\ \text{Value of closing settlement} &= \text{Closing settlement price} * \text{Open volume} \end{aligned}$$

The value of purchased securities in the above formula is the value of underlying securities purchased by the Company to cover the future contractual obligations;

Margin deposit value in the above formula is the value of assets that the Company deposits for trading, dealing and creating a market related to future contracts.

(d) Settlement risk value

Settlement risk value is the value corresponding to the level of loss which may occur if a counterparty is unable to settle obligations or transfer assets on time as committed. Settlement risk value is determined at the end of transaction date or contract date as follows:

- Settlement risk value before the due date for payment/transfer of securities is determined in accordance with following principle:

Settlement risk value before due date:

$$= \text{Value of the asset with settlement risk} * \text{Settlement risk coefficient by counterparty}$$

The above principle to determine settlement risk value before due date is applicable for following contracts:

- Term deposits at credit institutions, certificates of deposit issued by credit institutions;
- Securities lending contracts and securities borrowing contracts in compliance with laws;
- Repurchase agreements in compliance with laws;
- Reverse repurchase agreements in compliance with laws;
- Margin loan contracts in compliance with laws;
- Underwriting contracts signed with other organisations in an underwriting syndicate in the form of a firm undertaking in which the Company is the lead underwriter; and
- Not past due receivables from customers relating to securities trading activities.

ACB Securities Company Limited

Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

- For underwriting contracts signed with other organisations in an underwriting syndicate in the form of a firm undertaking in which the Company is the lead underwriter, the settlement risk value shall be 30% of the residual value of an underwriting contract for which payment has not been made.
- For overdue receivables and securities which are not transferred on time, including securities and cash not yet received from following contracts, transactions:
 - Term deposits at credit institutions, certificates of deposit issued by credit institutions;
 - Securities lending contracts and securities borrowing contracts in compliance with laws;
 - Repurchase agreements in compliance with laws;
 - Reverse repurchase agreements in compliance with laws;
 - Margin loan contracts in compliance with laws;
 - Receivables from customers relating to securities trading activities;
 - Receivable including matured bonds, valuable papers, debt instruments not yet redeemed on maturity date;
 - Assets for transfers which has expired, including securities in trading activities of the Company and securities of clients in securities brokerage.

Overdue settlement risk value is determined in accordance with following principle:

Overdue settlement risk value:

$$= \text{Value of the asset with settlement risk} * \text{Settlement risk coefficient by overdue status}$$

- For advances with the remaining term under 90 days is determined in accordance with following principle:

Settlement risk value:

$$= \text{Value of the asset with settlement risk} * \text{Settlement risk coefficient}$$

The value of assets with settlement risk is the total value of advances. The settlement coefficient risk is 8% when the value of advance accounted for 0% to 5% of equity, 100% when accounted for over 5% of equity at the reporting date.

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

(i) Settlement risk coefficient

Settlement risk coefficient by counterparty in accordance with the requirements of Circular 91 is as follows:

No.	Counterparty of the Company	Settlement risk coefficient
1	The Government, issuing organisations guaranteed by the Government and Central banks of countries in OECD, People's committee of provinces and cities under Central authority	0%
2	The Stock Exchanges, Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation	0.8%
3	Credit institutions, financial institutions, and securities trading organisations established in countries in OECD and with a credit rating satisfying the internal regulations of the Company	3.2%
4	Credit institutions, financial institutions, and securities trading organisations established in countries outside OECD; or established in countries in OECD but with a credit rating not satisfying the internal regulations of the Company	4.8%
5	Credit institutions, financial institutions, securities trading organisations, securities investment funds and securities investment companies established and operating in Vietnam	6%
6	Other organisations and individuals	8%

Settlement risk coefficient by overdue status in accordance with the requirements of Circular 91 is as follows:

No.	Overdue status, transfer of securities	Settlement risk coefficient
1	0 - 15 days after the due date for payment/transfer of securities	16%
2	16 - 30 days after the due date for payment/transfer of securities	32%
3	31 - 60 days after the due date for payment/transfer of securities	48%
4	Above 60 days after the due date for payment/transfer of securities	100%

Time for payment/transfer of securities is in accordance with regulations on derivative securities (for derivative securities), T+2 (for listed securities), T+1 (for listed bonds), or T+n (for transactions agreed outside the trading system within n days following contractual terms).

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

(ii) Value of assets with settlement risk

- *Value of assets with settlement risk in securities borrowing activities, securities lending activities, margin activities, and repurchase/reverse repurchase agreements:*

No.	Type of transaction	Value of assets with settlement risk
1	Term deposits, deposit certificates and unsecured loans	Total value of the deposits, deposit certificates and loans
2	Securities lending	Max {(Market value of the contract – Value of collateral assets (if any)), 0}
3	Securities borrowings	Max {(Value of collateral assets – Market value of the contract), 0}
4	Reverse repurchase agreements	Max {(Contract value calculated in accordance with purchase price – Market value of the contract * (1 – Market risk coefficient)), 0}
5	Repurchase agreements	Max {(Market value of the contract * (1 – Market risk coefficient) – Contract value based on the selling price), 0}
6	Margin loans (lending to customers to purchase securities)/Other arrangements with similar nature	Max {(Outstanding loan balance – Value of collateral assets), 0}

Outstanding balance comprises the principal, interest and related fees.

Value of collateral assets is based on the market value. When the market values of collateral assets are not available, market values are determined in accordance with the Company's internal methodology.

- *Value of assets with settlement risk in securities trading activities:*

No.	Time	Value of assets with settlement risk
A. For the sale of securities transactions (seller is the Company or the Company's customers in brokerage activities)		
1	Before the due date for receipts of payment	0
2	After the due date for receipts of payment	Market value of the contract (if the market value is lower than the transaction price) 0 (if the market value is higher than the transaction price)
B. For the purchase of securities transactions (buyer is the Company or the Company's customers in brokerage activities)		
1	Before the due date for securities transfer	0
2	After the due date for securities transfer	Market value of the contract (if the market value is higher than the transaction price) 0 (if the market value is lower than the transaction price)

- *Settlement risk values of overdue accounts receivable, matured bonds and debt instruments are the underlying amounts including par value plus accrued interest and fees, less actual cash previously received, if any.*

ACB Securities Company Limited

Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

(iii) *Deductions from the values of assets with settlement risk*

The Company deducts the values of collateral assets received from counterparties or customers from the values of assets with settlement risk when determining the values of assets with settlement risk if the contracts and transactions meet the following criteria:

- The counterparties or customers have collateral assets to secure for their obligations including cash, cash equivalents, valuable papers, transferable money market instruments, listed securities, registered securities on the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries (hereinafter referred to as “Stock exchanges”), government bonds, or bonds underwritten by the Ministry of Finance;
- The Company has the right to control, manage, use or transfer the collateral assets if the counterparties or customers fail to settle the obligations according to the contractual schedules.

Value of collateral assets deducted from the value of assets with settlement risk is calculated as follows:

$$\text{Value of collateral assets} = \text{Asset quantity} * \text{Asset value per unit} * (1 - \text{Market risk coefficient})$$

Asset value is determined in accordance with the requirements of Circular 91 as described in Note 3(c)(i).

Market risk coefficient is determined in accordance with the requirements of Circular 91 as described in Note 4.

(iv) *Settlement risk value increase*

Settlement risk values are increased in the following cases:

- Increase by 10% if the value of term deposits, certificates of deposit, loans, undue receivables, reserve repurchase agreements, repurchase agreements to any organisation or individual and group of related organisations and individuals (if any) accounts for from more than 10% to 15% of the Company's equity;
- Increase by 20% if the value of term deposits, certificates of deposit, loans, undue receivables, reserve repurchase agreements, repurchase agreements to any organisation or individual and group of related organisations and individuals (if any), accounts for from more than 15% to 25% of the Company's equity;
- Increase by 30% if the value of term deposits, certificates of deposit, loans, undue receivables, reserve repurchase agreements, repurchase agreements to any organisation or individual and group of related organisations and individuals (if any), or to any individuals and entities related to such individuals (if any), accounts for more than 25% of the Company's equity.

ACB Securities Company Limited

Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

(v) *Netting off values of assets with settlement risk*

The values of assets with settlement risk are netted off when fully meeting the following conditions:

- The settlement risk is related to the same counterparty;
- The settlement risk arises from the same type of transactions; and
- The netting off is agreed by the parties in writing.

(e) **Operational risk value**

Operational risk value is the value corresponding to the level of loss which may occur due to a technical or system error, human error during the operations, shortage of capital arising from expenses, losses from investment activities, or other reasons.

The operational risk value of the Company is calculated at the higher of 25% of the operating expenses in the latest twelve-month period and 20% of its minimum charter capital for business operations of the Company in accordance with prevailing regulations.

Operating expenses include all costs incurred during the twelve-month period after deducting:

- Depreciation and amortisation expenses;
- Additions to/(reversals) of allowance for diminution in the value of short-term financial assets and collaterals;
- Additions to/(reversals) of allowance for diminution in the value of long-term financial assets;
- Additions to/(reversals) of allowance for doubtful debts;
- Additions to/(reversals) of allowance for diminution in the value of other short-term assets;
- Loss from revaluation of financial assets at fair value through profit or loss; and
- Interest expenses.

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

4. Market risk value

Investment portfolio as of 31 December 2024		Risk coefficient	Risk exposure VND	Risk value VND
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
I.	Cash and cash equivalents, money market instruments			
1.	Cash (VND)	0%	396,755,177,764	-
2.	Cash equivalents	0%	1,142,946,771,431	-
3.	Valuable papers and transferable money market instruments, certificate of deposits	0%	-	-
II.	Government bonds			
4.	Zero-coupon Government bonds	0%	-	-
5.	Government coupon bonds	0%	-	-
5.1	Government coupon bonds (including previously issued public and construction bonds); government bonds issued by governments of countries in OECD countries or bonds guaranteed by the government or central bank of countries in OECD countries, and bonds issued by IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB and EBRD, local government bonds	3%	-	-
III.	Credit institutions bonds			
6.	Credit institutions bonds with remaining terms to maturity of less than 1 year, including convertible bonds	3%	-	-
	Credit institutions bonds with remaining terms to maturity of 1 year up to 3 years, including convertible bonds	8%	-	-
	Credit institutions bonds with remaining terms to maturity of 3 years up to 5 years, including convertible bonds	10%	-	-
	Credit institutions bonds with remaining terms to maturity of more than 5 years, including convertible bonds	15%	-	-
IV.	Corporate bonds			
7.	Listed corporate bonds			
	Listed bonds with remaining terms to maturity of less than 1 year, including convertible bonds	8%	-	-
	Listed bonds with remaining terms to maturity of 1 year up to 3 years, including convertible bonds	10%	-	-
	Listed bonds with remaining terms to maturity of 3 years up to 5 years, including convertible bonds	15%	-	-
	Listed bonds with remaining terms to maturity of more than 5 years, including convertible bonds	20%	-	-

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

Investment portfolio as of 31 December 2024		Risk coefficient	Risk exposure VND	Risk value VND
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
8.	Unlisted corporate bonds			
	Unlisted bonds issued by listed companies with remaining term to maturity of less than 1 year, including convertible bonds	15%	-	-
	Unlisted bonds issued by listed companies with remaining terms to maturity of 1 year up to 3 years, including convertible bonds	20%	-	-
	Unlisted bonds issued by listed companies with remaining terms to maturity of 3 years up to 5 years, including convertible bonds	25%	-	-
	Unlisted bonds issued by listed companies with remaining terms to maturity of more than 5 years, including convertible bonds	30%	-	-
	Unlisted bonds issued by other companies with remaining term to maturity of less than 1 year, including convertible bonds	25%	-	-
	Unlisted bonds issued by other companies with remaining terms to maturity of 1 year up to 3 years, including convertible bonds	30%	-	-
	Unlisted bonds issued by other companies with remaining terms to maturity of 3 years up to 5 years, including convertible bonds	35%	-	-
	Unlisted bonds issued by other companies with remaining terms to maturity of more than 5 years, including convertible bonds	40%	-	-
IV.	Shares			
9.	Ordinary shares and preference shares of companies listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange; fund certificates of open-ended funds	10%	2,267,167,491,200	226,716,749,120
10.	Ordinary shares and preference shares of companies listed on the Hanoi Stock Exchange	15%	55,700,000,000	8,355,000,000
11.	Ordinary shares and preference shares of unlisted public companies registered for UPCOM trading	20%	45,600,000,000	9,120,000,000
12.	Ordinary shares and preference shares of public companies which have been registered for depository, but have not been listed or not yet registered for trading; shares of Initial Public Offerings (IPO)	30%	-	-
13.	Shares of other public companies	50%	7,013,520,000	3,506,760,000

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

Investment portfolio as of 31 December 2024		Risk coefficient	Risk exposure VND	Risk value VND
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
V.	Securities investment fund certificates			
14.	Public Funds, including public investment companies	10%	-	-
15.	Member Funds, separate investment companies	30%	-	-
VI.	Securities restricted for trading			
16.	Unlisted securities of public companies are warned due to the delay in disclosing information on audited financial statements according to regulations	30%	-	-
17.	Warning listed securities	20%	33,966,878,400	6,793,375,680
18.	Under control listed securities	25%	-	-
19.	Temporary stop-trading or restricted securities	40%	1,941,445	776,578
20.	Securities with delisting or trading cancellation	80%	8,639,421	6,911,537
VII.	Derivative securities			
21.	Futures contracts on stock index	8%	41,310,000,000	3,304,800,000
Calculation: Risk value = Max {((Value of closing settlement - value of purchased securities) * market risk coefficient of futures contracts - Margin deposit value (contribution to clearing fund for open positions of securities companies)), 0}. Value of closing settlement = Closing settlement price * open volume.				
22.	Futures contracts on government bonds	8%	-	-
VIII	Other securities			
23.	Shares listed in foreign markets are belong to standard index	25%	-	-
24.	Shares listed in foreign markets are not belong to standard index	100%	-	-
25.	Covered warrants listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange	8%	-	-
26.	Covered warrants listed on the Hanoi Stock Exchange	10%	-	-
27.	Securities and bonds of non-public companies that do not have the latest audited financial statements or have audited financial statements with qualified, adverse or disclaimer audit opinion	100%	-	-
28.	Shares, capital contributions and other securities	80%	-	-
29.	Covered warrants issued by securities companies		-	-
Calculation: Risk value = Max {[$(P_0 * Q_0 / k - P_1 * Q_1) * r - MD$], 0}				

ACB Securities Company Limited

Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

Investment portfolio as of 31 December 2024		Risk coefficient	Risk exposure VND	Risk value VND
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
30.	Securities formed from risk hedging activities for covered warrants issued by securities companies (in case of covered warrants being loss)	10%	314,219,444,000	31,421,944,400 ✓
31.	The positive difference between the value of underlying securities used for hedging risks and the value of required underlying securities to hedge risks for covered warrants	10%	57,968,179,400	5,796,817,940 ✓
IX.	Increased risks (if any)		-	-
TOTAL MARKET RISK (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				295,023,135,255 ✓

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

4. Settlement risk value

	Risk coefficient (%) Type of transaction	Risk value (VND)						Total risk value (VND)
		0%	0.8%	3.2%	4.8%	6.0%	8.0%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I.	Settlement risk before due date as of 31 December 2024							
1.	Term deposits, certificates of deposit and unsecured loans, and receivables from the securities trading and securities services and other items bore settlement risk (i)	-	-	-	-	679,918,058,671	68,238,621,938	748,156,680,609
2.	Financial asset loans/other economic contracts of a similar nature	-	-	-	-	-	-	-
3.	Financial asset borrowings/other economic contracts of a similar nature	-	-	-	-	-	-	-
4.	Reverse repurchase agreements/other economic contracts of a similar nature	-	-	-	-	-	-	-
5.	Repurchase agreements/other economic contracts of a similar nature	-	-	-	-	-	-	-
	Total settlement risk before due date	-	-	-	-	-	-	748,156,680,609
II.	Overdue settlement risk as of 31 December 2024							
	Overdue status					Risk coefficient (%)	Risk exposure (VND)	Risk value (VND)
1.	0 - 15 days after the due date for payment/transfer of securities					16	85,265,822	13,642,532
2.	16 - 30 days after the due date for payment/transfer of securities					32	1,372,624	439,240
3.	31 - 60 days after the due date for payment/transfer of securities					48	30,886	14,825
4.	Above 60 days after the due date for payment/transfer of securities					100	118,828,965,489	118,828,965,489
	Total overdue settlement risk							118,843,062,086

ACB Securities Company Limited

Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

No.	Description	Risk coefficient (%)	Risk exposure (VND)	Risk value (VND)
III	Risks from advances, contracts, other transactions as at 31 December 2024			
1	Other contracts, transactions	-	-	-
2	Advances with remaining repayment period of less than 90 days account for more than 5% of equity	-	-	-
3	Advances with remaining repayment period of less than 90 days account for 0% to 5% of equity	-	-	-
	Total settlement risk from advances, other contracts and transactions			

No.	Description	Increased amount (%)	Risk coefficient (%)	Risk exposure (VND)	Risk value (VND)
IV.	Other increased risks as of 31 December 2024 by counterparties				
1.	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	30	6	388,177,421,267	116,453,226,380
2.	Asia Commercial Joint Stock Bank	20	6	115,078,691,682	23,015,738,336
3.	Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank	20	6	85,292,506,850	17,058,501,370
	Total additional risk				156,527,466,086
TOTAL SETTLEMENT RISK (I+II+III+IV)					1,023,527,208,781

- (1) Settlement risk value applicable to the Government, issuing organisations guaranteed by the Government or the Ministry of Finance, the State Bank of Vietnam, governments and central banks of OECD countries, people's committees of provinces and cities under Central authority;
- (2) Settlement risk value applicable to the Stock Exchanges, Vietnam Securities Depository Corporation;
- (3) Settlement risk value applicable to credit institutions, financial institutions, and securities trading organisations established in OECD countries and have a credit rating that satisfy internal regulation of the Company;
- (4) Settlement risk value applicable to credit institutions, financial institutions, and securities trading organisations established outside OECD countries and do not satisfy internal regulations of the Company;
- (5) Settlement risk value applicable to credit institutions, financial institutions, and securities trading organisations, securities investment funds, securities investment companies established and operating in Vietnam;
- (6) Settlement risk value applicable to other organisations and individuals.

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

- (i) Term deposits, certificates of deposit, unsecured loans, and receivables from the securities trading and securities services and other items bore settlement risk includes the followings:

	Risk exposure VND	Settlement risk coefficient %	Risk value VND
Term deposits	11,216,270,656,847 ✓	6%	672,976,239,411
Interest receivables from term deposits	115,696,987,666 ✓	6%	6,941,819,260
			<hr/>
			679,918,058,671 ✓
			<hr/>
Receivables from securities trading and securities services	852,982,774,222 ✓	8,00%	68,238,621,938 ✓
			<hr/>
Total			748,156,680,609 ✓
			<hr/>

6. Operational risk value

No.	Items	Period from 1/1/2024 to 31/12/2024 VND
I.	Total operating expenses for twelve-month period ended 31 December 2024	1,686,561,446,405 ✓
II.	Deductions from total operating expenses	941,101,600,347 ✓
1.	Depreciation and amortisation expenses	24,464,178,838 ✓
2.	Allowance for diminution in the value of financial assets and collaterals	99,875 ✓
3.	Allowance for diminution in the value of receivables	-
4.	Losses from revaluation of financial assets at fair value through profit/loss	476,631,606,321 ✓
5.	Interest expenses	440,005,715,313 ✓
III.	Total expenses after deductions (III = I – II)	745,459,846,058 ✓
IV.	25% of total expenses after deductions (IV = 25% III)	186,364,961,515 ✓
V.	20% of minimum charter capital for business activities of the Company	240,000,000,000 ✓
	TOTAL OPERATIONAL RISK VALUE (=Max {IV, V})	240,000,000,000 ✓

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)
7. Liquid capital

No.	Items	Liquid capital as of 31/12/2024		
		Liquid capital VND	Deductions VND	Additions VND
1	Share capital, excluding redeemable preference shares (if any)	7,000,000,000,000		
2	Capital premium, excluding redeemable preference shares (if any)	-		
3	Treasury shares	-		
4	Convertible bonds options - Capital component	-		
5	Other capital	-		
6	Differences on revaluation of assets at fair value	-		
7	Reserve to supplement charter capital	147,003,969,513		
8	Financial reserve and operational risk fund	167,626,370,395		
9	Other equity funds	-		
10	Retained profits	1,920,633,588,969		
11	Allowance for diminution in value of financial assets	118,775,074,587		
12	Differences on revaluation of fixed assets	-		
13	Foreign exchange differences	-		
14	Convertible debts			-
15	Total reductions or increases in securities included in financial investments (i)		3,793	3,960,426,513
16	Other capital (if any)	-		
1A	Sub-total			9,357,999,426,184
I	Financial assets			
1	Cash and cash equivalents			
2	Financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)			
	- Securities with potential market risks			
	- Securities deducted from liquid capital		-	

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

No.	Items	Liquid capital as of 31/12/2024		
		Liquid capital VND	Deductions VND	Additions VND
3	Held-to-maturity investments (HTM)			
	- Securities with potential market risks			
	- Securities deducted from liquid capital		-	
4	Loans			
5	Available-for-sale financial assets			
	- Securities with potential market risks			
	- Securities deducted from liquid capital		-	
6	Allowance for diminution in value of financial assets			
7	Receivables (from sale of financial assets, receivables and dividends and interest receivables from financial assets)			
	- Receivables with remaining term to maturity of 90 days or less			
	- Receivables with remaining term to maturity of more than 90 days		50,000	
8	Undistributed covered warrant			
9	Underlying security for hedging purpose when issue of covered warrants			
10	Receivables from services rendered			
	- Receivables with remaining term to maturity of 90 days or less			
	- Receivables with remaining term to maturity of more than 90 days		-	
11	Internal receivables			
	- Internal receivables with remaining term to maturity of 90 days or less			
	- Internal receivables with remaining term to maturity of more than 90 days		-	
12	Receivables from securities trading errors			
	- Receivables with remaining term to maturity of 90 days or less			
	- Receivables with remaining term to maturity of more than 90 days		-	

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

No.	Items	Liquid capital as of 31/12/2024		
		Liquid capital VND	Deductions VND	Additions VND
13	Other receivables			
	- Other receivables with remaining term to maturity of 90 days or less			
	- Other receivables remaining term to maturity of more than 90 days		3,758,864	
14	Allowance for diminution in value of receivables			
II	Other short-term assets			
1	Advances			
	- Advances with remaining term to maturity of 90 days or less			
	- Advances remaining term to maturity of more than 90 days		-	
2	Office tools and supplies		-	
3	Short-term prepaid expenses		25,318,265,892	
4	Short-term mortgage, collaterals and deposits		44,000,000	
5	Deductible VAT		610,131,150	
6	Taxes and other receivables from the State		-	
7	Other short-term assets		37,016,391,242	
8	Allowances for diminution in value of other short-term assets			
1B	Sub-total			62,992,597,148
I	Long-term financial assets			
1.	Long-term receivables		-	
2.	Investments			
2.1	Held-to-maturity investments (HTM)			
	- Securities with potential market risks			
	- Securities deducted from liquid capital		-	
2.2	Investments in subsidiaries		50,000,000,000	
2.3	Other long-term investments		51,400,000,000	
II	Fixed assets		81,814,436,631	
III	Investment properties		-	
IV	Construction in progress		1,014,000,000	

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

No.	Items	Liquid capital as of 31/12/2024		
		Liquid capital VND	Deductions VND	Additions VND
V	Other long-term assets			
1	Long-term mortgage, collaterals and deposits		7,060,962,100	✓
2	Long-term prepaid expenses		49,714,235,237	✓
3	Deferred tax assets		128,026,672	✓
4	Deposits at Settlement Funds		20,000,000,000	✓
5	Other long-term assets		15,024,973,868	✓
VI	Allowances for diminution in value of long-term assets			
	Asset items subject to qualification, adverse opinion or disclaimer in audited financial statements but not yet calculated as deductions pursuant to Article 5		-	
1C	Sub-total			276,156,634,508 ✓
1	Deposit amount			
1.1	Contribution value to Settlement Funds of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation		-	
1.2	Contribution value to Clearing Fund of the central payment partner for the open position of the clearing members		-	
1.3	Cash deposit and bank's payment guarantee when issue of covered warrants		218,625,000,000	✓
2	The value of the collateral for liabilities has remaining term of more than 90 days		-	
1D	Sub-total			218,625,000,000 ✓
LIQUID CAPITAL = 1A-1B-1C-1D				8,800,225,194,528 ✓

ACB Securities Company Limited
Notes to the Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024 (continued)

(i) Additions and deductions relating to financial investments

Details of deductions and additions relating to financial investments which were added back/deducted from the liquid capital as of 31 December 2024 are as follows:

	Carrying value VND	Market value VND	Difference VND
Additions			
Financial assets at FVTPL			
Unlisted shares	41,642,441,834	45,602,868,347	3,960,426,513
Deductions			
Financial assets at FVTPL			
Unlisted shares	652,657	648,864	(3,793)

24 March 2025



Ms. Vo Van Van
Chief Accountant

Ms. Do Thi Ngoc Hanh
Head of Internal Control Department



Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director